

Cơ chế hình thành “vòng xoáy của sự im lặng” - Từ lý thuyết đến thực tiễn xã hội vùng dân tộc thiểu số Việt Nam¹

Phan Thuận^(*)

Từ Thúy Quỳnh^(**)

Tóm tắt: Trên cơ sở lý thuyết “vòng xoáy của sự im lặng” của Noelle-Neumann, bài viết nhận diện cơ chế hình thành “vòng xoáy của sự im lặng” trong việc đưa ra ý kiến ở người dân vùng dân tộc thiểu số Việt Nam hiện nay. Sự im lặng - e ngại khi cất lên tiếng nói của người dân có nhiều lý do, như sợ mâu thuẫn với hàng xóm, sợ bị đối xử thiếu công bằng, do thiếu trách nhiệm giải trình của cán bộ địa phương... Bài viết cũng gợi mở một số kiến nghị để cởi bỏ “vòng xoáy của sự im lặng”, góp phần giảm thiểu nguy cơ hình thành các điểm nóng chính trị, xã hội vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Thuyết vòng xoáy của sự im lặng, Vùng dân tộc thiểu số, Dự luận xã hội

Abstract: Based on Noelle-Meumann's “the spiral of silence” theory, the article identifies the silence spiral formation mechanism in ethnic minority areas today. The silence - the fear of speaking out comes from several reasons including that of conflicts with neighbors and unfair treatment, due to the lack of accountability of local officials, etc. Thence, some recommendations are provided to cast off the spiral of silence, partly minimize political and social risk hot spots in ethnic minority regions in Vietnam in the coming time.

Keywords: The Spiral of Silence, Ethnic Minority Areas, Public Opinion

1. Đặt vấn đề

Dự luận xã hội (DLXH) đang ngày càng phát huy mạnh mẽ vai trò của mình trong hoạt động duy trì trật tự, ổn định và

phát triển xã hội. V. Lenin từng khẳng định, để cách mạng chiến thắng thì cần phải dựa vào sức mạnh vật chất và tinh thần của DLXH (Dẫn theo: Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, 2005). Vì vậy, Nghị quyết số 03- NQ/TW ngày 26/6/1992 Hội nghị Trung ương 3 khóa VII của Đảng *Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng* đã xác định cần “nâng cao chất lượng thông tin nội bộ và công tác tuyên truyền, coi trọng biện pháp điều tra DLXH”, coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công tác tư tưởng. Tinh

¹ Bài viết là sản phẩm của Đề tài khoa học cấp Nhà nước “Những vấn đề lý luận và thực tiễn về dự luận xã hội ở vùng dân tộc thiểu số nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa” (2018-2020), mã số CTDT.37.18/16-20, do TS. Phan Tân chủ nhiệm, Học viện Khoa học xã hội (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) chủ trì.

^(*) ThS., NCS., Học viện Chính trị khu vực IV; Email: phanthuanhv482@gmail.com

^(**) ThS., Viện Nghiên cứu Dự luận xã hội.

thần này tiếp tục được khẳng định tại Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 18/3/2002 Hội nghị Trung ương 5 khóa X của Đảng *Về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới*: Chú trọng công tác nghiên cứu, điều tra xã hội học, nắm bắt DLXH phục vụ công tác tư tưởng.

DLXH được hình thành từ tiếp nhận thông tin đi đến bàn bạc - thống nhất quan điểm - phán xét. Từ cơ chế hình thành này của DLXH có thể thấy, công khai, minh bạch thông tin là một trong những yếu tố quan trọng để hình thành DLXH. Thực hiện tốt cơ chế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” là động lực để thúc đẩy DLXH hình thành. Tuy nhiên, thực tế khảo sát của Đề tài¹ cho thấy, ở một số địa phương nước ta hiện nay, tình trạng thiếu vắng dân chủ ở cơ sở đã hiện hữu. Việc bùng phát thông tin hoặc phớt lờ ý kiến của quần chúng nhân dân là môi trường thuận lợi để tin đồn xảy ra. Đồng thời, trách nhiệm giải trình của chính quyền trước những thắc mắc của nhân dân còn hạn chế cũng sẽ làm cho nhân dân thờ ơ với các hoạt động của địa phương. Trong nghiên cứu DLXH, những biểu hiện đó được gọi là “vòng xoáy của sự im lặng”.

Việt Nam có 53 dân tộc thiểu số. Theo Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc, vùng dân tộc thiểu số là địa bàn có đông các dân tộc thiểu số cùng sinh sống ổn định

¹ Bài viết dựa trên kết quả khảo sát thực tế năm 2019 tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số của Đề tài “Những vấn đề lý luận và thực tiễn về dư luận xã hội ở vùng dân tộc thiểu số nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa”. Đề tài đã triển khai khảo sát trong thời gian 2 năm 2018-2019 trên địa bàn 11 tỉnh có đông đồng bào DTTS sinh sống (gồm: Lạng Sơn, Hà Giang, Lai Châu, Sơn La, Nghệ An, Kon Tum, Đắk Lắk, Ninh Thuận, Bình Phước, Trà Vinh, Kiên Giang) với 3.283 bảng hỏi, 550 phỏng vấn sâu (PVS). Bài viết này chỉ sử dụng một số tư liệu PVS ở địa bàn ba tỉnh: Bình Phước, Đắk Lắk, Kon Tum.

thành cộng đồng trên lãnh thổ đất nước. Bài viết phân tích “vòng xoáy của sự im lặng” từ góc nhìn lý thuyết, đồng thời phác họa thực tiễn “vòng xoáy của sự im lặng” ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam hiện nay.

2. Cơ chế hình thành “vòng xoáy của sự im lặng” từ góc nhìn lý thuyết

Thuyết “vòng xoáy của sự im lặng” (The Spiral of Silence) của nhà tâm lý học người Đức Elisabeth Noelle-Neumann (1916-2010) lần đầu tiên được công bố tại Đại học Chicago năm 1974. Theo Noelle-Neumann, “vòng xoáy của sự im lặng” là một mô hình giải thích tại sao con người không sẵn sàng bày tỏ công khai quan điểm của mình khi họ tin rằng mình thuộc về thiểu số. Noelle-Neumann đặc biệt quan tâm đến khía cạnh tâm lý cá nhân khi tham gia vào DLXH. Nếu cá nhân là số ít, hoặc cho rằng mình thuộc về số ít, họ sẽ giữ im lặng để đảm bảo không bị cô lập. Khi đưa ra quan điểm này, Noelle-Neumann dựa trên ba tiền đề: *thứ nhất*, con người có khả năng tự thống kê, một thứ “giác quan thứ sáu”, cho phép họ nắm được DLXH đang phổ biến mà không cần phải thăm dò; *thứ hai*, con người sợ bị cô lập, họ biết thái độ nào sẽ làm tăng khả năng bị cô lập; *thứ ba*, con người rất dè dặt trong việc biểu lộ những quan điểm mang tính thiểu số của mình, chủ yếu là vì họ sợ bị cô lập (Theo: Nguyễn Quý Thanh, 2011: 92).

Câu hỏi đặt ra là, làm thế nào để cởi bỏ “vòng xoáy của sự im lặng”? Theo Noelle-Neumann, khi các cá nhân cho rằng quan điểm của họ mang tính phổ biến và được ủng hộ bởi những người khác, hoặc họ có cảm giác được “bảo vệ”, khi đó họ sẽ thể hiện ý kiến của mình trước đám đông với thái độ tự tin.

Như vậy, lý thuyết “vòng xoáy của sự im lặng” nhấn mạnh rằng DLXH không lập tức xuất hiện, bởi các cá nhân còn phải

im lặng để chờ đợi, nghe ngóng các ý kiến khác xung quanh. Nếu các cá nhân thấy ý kiến của họ có khả năng được nhiều người chia sẻ, đồng tình, ủng hộ, họ sẽ vững tin bày tỏ ý kiến. Nếu không, họ sẽ im lặng vì e ngại, sợ nói ra ý kiến của mình. Chính vì điều này mà Noenlle-Neuman đưa ra định nghĩa rằng, DLXH là ý kiến được nói ra mà không bị trừng phạt. Đơn giản là nếu bị trừng phạt thì im lặng không bày tỏ ý kiến (Theo: Phan Tân, 2015).

3. Cơ chế hình thành “vòng xoáy của sự im lặng” từ thực tiễn vùng dân tộc thiểu số

Theo lý thuyết “vòng xoáy của sự im lặng”, cơ chế im lặng được hình thành từ sự độc đoán, hoặc mất dân chủ, hoặc dân chủ hình thức. Thực tế khảo sát của Đề tài cho thấy, hiện tượng “vòng xoáy của sự im lặng” ở một số vùng dân tộc thiểu số Việt Nam không phải ít. Trong nhiều trường hợp, người dân biết và thấy những hiện tượng sai trái nhưng không dám nói thẳng hoặc nói ra những điều không đúng với suy nghĩ, cảm xúc thật của mình, họ có tâm lý lo ngại về sự không an toàn khi nói ra sự thật. Chính tâm lý cộng đồng đã khiến cái “tôi” của cá nhân bị nhòa lẫn trong cái “ta” chung, khiến các cá nhân e ngại khi nêu lên quan điểm của riêng mình, đặc biệt trong việc tố giác những hành vi tham nhũng, hành vi trái pháp luật... Điều này sẽ ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng và tệ nạn xã hội thông qua DLXH. Hơn nữa, việc không dám nói lên quan điểm của mình cũng khiến người làm công tác DLXH không thể nắm bắt chính xác tâm tư, nguyện vọng, ý chí của nhân dân. Hậu quả là có thể xảy ra những điểm nóng về chính trị và xã hội.

Từ kết quả khảo sát của Đề tài, có thể rút ra một số nguyên nhân chính của sự im lặng như sau:

* *Im lặng do sợ bất đồng, sợ mâu thuẫn với cán bộ cơ sở, với hàng xóm*

K. Marx đã chỉ rõ, bản chất của con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, điều này có nghĩa rằng, thông qua tương tác xã hội, con người được phát triển cả tư duy lẫn hành động. Tuy nhiên, trong những lần giao tiếp, tương tác giữa các cá nhân trong cộng đồng, không ít lần xảy ra những mâu thuẫn, bất hòa. Ở những trường hợp này, người ta thường lựa chọn biện pháp nào để giải quyết bất hòa? Kết quả khảo sát của Đề tài tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, có 23,8% số người được khảo sát lựa chọn im lặng chấp nhận tuân theo cho dù không bằng lòng với cách giải quyết công việc của cán bộ chính quyền xã/thị trấn. Khi bất đồng với hàng xóm láng giềng, cũng có tới 29,2% người được khảo sát chọn cách im lặng.

Như vậy, im lặng là cách giải quyết vấn đề của một bộ phận không ít người dân vùng dân tộc thiểu số hiện nay, do họ “sợ” đụng chạm, “sợ” mất lòng hàng xóm. Hơn nữa, một bộ phận người dân tham gia PVS còn cho rằng, nếu họ lên tiếng, góp ý về những hành động sai trái của hàng xóm láng giềng thì cũng không thay đổi được gì, cho nên họ không muốn quan tâm đến. Ngoài ra, cũng có một bộ phận người dân “sợ” bị hàng xóm trả thù. Thực tế những chuyến khảo sát điền dã đã cho chúng tôi thấy nhiều câu chuyện mà người dân gọi là “tự chuốc họa vào thân”: *Nhiều khi thấy thanh niên trong ấp làm sai như đua xe, đánh lộn, mình đứng ra nói chuyện với hắn nhưng bị hắn chửi nên không dám nói nữa* (PVS, nữ, Stiêng, 38 tuổi, làm thuê, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước). “Nỗi sợ” của cá nhân và sự thiếu tôn trọng của người khác là những yếu tố khiến sự im lặng của người dân có cơ hội được hình thành.

* *Im lặng do những hạn chế trong cách tiếp thu và thực hiện trách nhiệm của chính quyền*

Sự hạn chế trong việc lắng nghe ý kiến người dân và sự thiếu trách nhiệm của một bộ phận chính quyền là những yếu tố góp phần tạo nên sự im lặng của nhiều người dân vùng dân tộc thiểu số. Kết quả khảo sát cho thấy, 45,5% số người tham gia khảo sát cho rằng chính quyền địa phương chỉ tiếp thu một phần ý kiến của người dân tại các cuộc họp; 19,9% cho rằng cán bộ địa phương chỉ tham khảo ý kiến của một số người khi xây dựng, sửa chữa một công trình công cộng nào đó trên địa bàn. Điều đó cho thấy việc tham khảo, tiếp thu ý kiến người dân của chính quyền địa phương vùng dân tộc thiểu số ở nhiều nơi còn hạn chế. Đa số đồng bào dân tộc thiểu số đều ít được học hành, trình độ hạn chế, điều kiện kinh tế khó khăn, điều đó khiến cho tiếng nói của họ có vẻ như ít được chính quyền địa phương chú trọng: *Chính quyền có biểu hiện phân biệt đối xử đối với người phát biểu (giàu - nghèo), tiếp thu ý kiến của người giàu, còn người nghèo chẳng quan tâm, cho nên người nghèo ít nói lên ý kiến của mình* (PVS, nữ, Mnông, 41 tuổi, làm thuê, thị trấn Liên Sơn, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk).

Người dân ở một số nơi đã phản ánh sự thiếu trách nhiệm của cán bộ địa phương trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong xây dựng các công trình công cộng. Điều đó khiến người dân không còn muốn tiếp tục quan tâm đến các vấn đề của địa phương. Một số ý kiến dưới đây là minh chứng: *Cán bộ địa phương thường không làm theo góp ý, tham khảo ý kiến của người dân. Trách nhiệm giải trình ở lĩnh vực đầu tư công, xây dựng cơ sở hạ tầng (đường nội bộ, kênh mương nội đồng, đường liên thôn...) còn hạn chế; chưa giải quyết dứt điểm theo mong muốn của đa số người dân* (PVS, nam, Mnông, 50 tuổi, làm nông, xã Yang Tao, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk). *Chính quyền có biểu hiện phớt lờ ý kiến của người*

dân hoặc không để ý đến những người phát biểu, cho nên người dân cảm thấy chán không muốn phát biểu (PVS, nữ, Mnông, 47 tuổi, làm thuê, thị trấn Liên Sơn, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk). *Ý kiến của người dân chưa được lắng nghe, cán bộ địa phương còn thực hiện theo suy nghĩ của họ; nếu có tham khảo ý kiến của dân thì chỉ là hình thức. Chính điều này đã khiến cho người dân bức xúc, đặc biệt là nhóm dân tộc Kinh* (PVS, nam, Kinh, 64 tuổi, làm nông, xã Ngok Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum). *Cán bộ áp, xã có lắng nghe ý kiến, đề xuất của bà con nhưng giải quyết còn rất hạn chế; thậm chí không làm. Có trách nhiệm giải thích những vấn đề bức xúc của người dân nhưng giải quyết không thỏa đáng. Chủ yếu chỉ hứa với dân* (PVS, nam, Kinh, 53 tuổi, buôn bán, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước).

Như vậy, việc tiếp thu hạn chế và thiếu trách nhiệm giải trình của cán bộ chính quyền địa phương ở một số nơi đã tạo ra tâm lý không còn muốn phát biểu ý kiến, không còn quan tâm đến các vấn đề của địa phương trong nhiều người dân vùng dân tộc thiểu số.

** Im lặng do lo ngại bị đối xử không công bằng*

Kết quả khảo sát cho thấy, hơn 20% số người trả lời rằng họ không phản ứng, chấp nhận tuân theo hoặc tùy vấn đề để phản ứng khi không đồng tình với cách giải quyết vấn đề của cán bộ xã và cán bộ thôn. Bằng chứng này cho thấy, người dân vùng dân tộc thiểu số còn khá dè chừng khi nói lên ý kiến của mình đối với chính quyền địa phương. Mặc dù chiếm tỷ lệ không nhiều nhưng con số này đã cho thấy có “khoảng cách” giữa cán bộ với nhân dân ở một số nơi vùng dân tộc thiểu số, tạo ra rào cản khiến người dân hạn chế chia sẻ thái độ, góp ý đối với chính quyền.

Một trong những nguyên nhân khiến cho “vòng xoáy của sự im lặng” trong đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng nhiều hơn đó là người dân lo sợ bị đối xử không công bằng. Điều này được thể hiện qua hai câu chuyện dưới đây (được ghi chép trong nhật ký các chuyến điền dã của Đề tài). *Câu chuyện thứ nhất của ông Nguyễn Văn Th* (dân tộc Tày, 54 tuổi, làm nông, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước), là người di cư từ miền Bắc đến sinh sống lập nghiệp ở Tây Nguyên do cuộc sống ở quê cũ gặp nhiều khó khăn. Khi di cư đến đây, cuộc sống gia đình ông vẫn khá chật vật nhưng cũng dần ổn định hơn do được cộng đồng nơi đây đùm bọc. Là một người sống có trách nhiệm, hiểu được những khó khăn của người nghèo, ông luôn thể hiện chính kiến của mình trong các cuộc họp dân để làm rõ quyền lợi của bà con địa phương. Tuy nhiên, cũng vì vậy mà chính quyền địa phương xem ông “là người nhiều chuyện, đòi hỏi quá nhiều”. Gia đình ông dường như luôn bị loại ra đầu tiên khỏi danh sách nếu có sự hỗ trợ. Từ đó, ông rút ra kết luận rằng “người dân không dám phát biểu thẳng, thật với cán bộ vì sẽ bị họ trù dập”. *Câu chuyện thứ hai của ông Nguyễn Văn T* (dân tộc Kinh, sinh năm 1955, buôn bán, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước), cũng là một người di cư từ miền xuôi đến Tây Nguyên. Gia đình ông có chút vốn nên mở được một cửa hàng tạp hóa nhỏ. Là người có trách nhiệm và có chút hiểu biết, ông thường xuyên phát biểu nhiều trong các cuộc họp để chính quyền đảm bảo quyền lợi của bà con đồng bào. Kết quả là, những lần họp sau đó ông không nhận được giấy mời họp. Hai câu chuyện điền dã trên cho thấy, tình trạng người dân vùng dân tộc thiểu số ít dám nói thẳng, nói thật đang diễn ra ở một số nơi: *Tình trạng người dân không dám nói lên những vấn*

đề bức xúc với chính quyền trong các cuộc họp là vì sợ bị trù dập hoặc cán bộ có ác cảm với bản thân người phát biểu. Như vậy, thử hỏi làm sao phát huy dân chủ theo chủ trương của Nhà nước? (PVS, nam, Kinh, 63 tuổi, buôn bán, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước). *Việc trù dập người thẳng, nói thật và ý kiến nhiều trong các cuộc họp cũng khiến cho người dân rất ngại phát biểu thẳng thắn* (PVS, nữ, Mnông, 47 tuổi, làm thuê, thị trấn Liên Sơn, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk).

** Im lặng do thiếu tự tin*

Người dân vùng dân tộc thiểu số đang gặp một vấn đề cũng rất đáng lưu tâm, đó là sự thiếu tự tin. Nguyên nhân là do trình độ học vấn thấp, khả năng giao tiếp bằng tiếng phổ thông còn hạn chế: *Người dân còn ngại chia sẻ ý kiến cá nhân trong các cuộc họp vì nhiều lý do như không hiểu tiếng người Kinh, trình độ hạn chế* (PVS, nam, Mnông, 50 tuổi, làm nông, xã Yang Tao, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk). Có thể nói, đây là rào cản lớn khiến người dân ít bày tỏ ý kiến với cán bộ, chính quyền địa phương. Nhiều người dân tham gia khảo sát cho rằng, họ ngại phát biểu ý kiến trước các cuộc họp là do sợ bị chê cười hoặc nói tiếng phổ thông không thành thạo: *Đồng bào dân tộc ít tham gia phát biểu trong các cuộc họp; trong khi đó người Kinh phát biểu nhiều hơn, bởi vì người Kinh người ta hiểu biết hơn nhiều, còn người dân tộc thì ít hiểu biết, nói sai sợ người ta cười* (PVS, nữ, Stiêng, 37 tuổi, làm nông, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước). Thậm chí có trường hợp người dân có trình độ khá cao (cao đẳng) nhưng trong các cuộc họp vẫn ngại phát biểu vì bản thân họ cảm thấy nhận thức chưa đầy đủ, “sợ người ta cười”.

4. Thay lời kết

Như vậy, “vòng xoáy của sự im lặng” là hiện tượng xã hội đang hiện hữu ở một

số vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay. Thực tiễn cho thấy, “vòng xoáy của sự im lặng” thường xuất hiện ở những nơi nào còn tồn tại tình trạng mất dân chủ, dân chủ hình thức và bản thân người dân nơi đó thiếu tự tin. Các bằng chứng thực tiễn từ kết quả khảo sát của Đề tài cho thấy, tỷ lệ biểu hiện “vòng xoáy của sự im lặng” không cao, song qua một số PVS có thể thấy “vòng xoáy của sự im lặng” có tồn tại trong một bộ phận người dân ở một số vùng dân tộc thiểu số. Cơ chế hình thành “vòng xoáy của sự im lặng” này rất đa dạng, cần có nhiều nghiên cứu sâu để tìm ra các giải pháp phù hợp nhằm tạo ra một xã hội cởi mở hơn, dân chủ hơn đối với vùng dân tộc thiểu số.

Có thể nói, việc vận dụng lý thuyết “vòng xoáy của sự im lặng” vào công tác nắm bắt DLXH có ý nghĩa lớn. Một tiêu chí quan trọng, cần thiết để nắm bắt được, nắm bắt đúng, nắm bắt đủ DLXH là cơ chế đảm bảo quyền tự do ngôn luận, tự do phát biểu ý kiến. Nếu không có cơ chế bảo đảm quyền này thì khó có thể hình thành, xuất hiện DLXH. Từ cách tiếp cận của lý thuyết “vòng xoáy của sự im lặng” và thực tiễn biểu hiện của nó ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam hiện nay, có thể thấy vấn đề dân chủ ở cơ sở cần phải được đẩy mạnh

trong thời gian tới. Dân chủ là bạn đồng hành với DLXH, kẻ thù của tin đồn. Muốn có DLXH, người dân bày tỏ được ý kiến của mình thì không thể bỏ qua dân chủ. Ở nơi nào mất dân chủ, dân chủ hình thức thì nguy cơ tin đồn và nảy sinh điểm nóng chính trị, xã hội là rất lớn. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa giúp người dân có cơ hội tham gia đóng góp vào những công việc quan trọng của địa phương, phát hiện ra những bức xúc trong dân nhằm hạn chế điểm nóng chính trị, xã hội. Việc đảm bảo cơ chế “dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra” là một trong những phương châm giúp các cá nhân dám nói lên những ý kiến, quan điểm của mình □

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2005), *Giáo trình Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
2. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2005), *Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
3. Nguyễn Quý Thanh (2011), *Xã hội học về dư luận xã hội*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

(tiếp theo trang 13)

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Khắc Nam (2017), “Chủ nghĩa Mác”, trong: Hoàng Khắc Nam (chủ biên, 2017), *Lý thuyết Quan hệ quốc tế*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. Hoàng Khắc Nam (2019), “Các nhân tố quy định cấu trúc trong quan hệ quốc tế”, *Tạp chí Khoa học xã hội và nhân*

văn, tập 5, số 4, tr. 400-411.

3. Hoàng Khắc Nam (2020a), “Cấu trúc trong lịch sử quan hệ quốc tế”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 3 (527), tr. 3-15.
4. Hoàng Khắc Nam (2020b), “Quan điểm về cấu trúc trong các lý thuyết quan hệ quốc tế”, trong: *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Triển vọng cấu trúc ở châu Á - Thái Bình Dương đến năm 2025 và đối sách của Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.